

GIA TRỊ VÀ SỨC SỐNG BỀN VỮNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

TƯ TƯỞNG BIỆN CHỨNG TRONG TÁC PHẨM
SỬA ĐỔI LỐI LÀM VIỆC CỦA HỒ CHÍ MINH

LÊ HỮU ÁI (*)

PHẠM HUY THÀNH (**)

Trong di sản của mình, Hồ Chí Minh không để lại một tác phẩm nào bàn riêng về phép biện chứng duy vật; tuy nhiên, trong toàn bộ những tư tưởng của Người đã chứa đựng tư tưởng sâu sắc về phép biện chứng duy vật. Trong tác phẩm "Sửa đổi lối làm việc" của Hồ Chí Minh, tư tưởng biện chứng được đề cập trên một số phương diện, đó là: Nguyên tắc về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa nhân tố chủ quan và điều kiện khách quan, quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử cụ thể. Các chỉ dẫn này có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng giúp cán bộ, đảng viên nhận thức và giải quyết có hiệu quả những vấn đề do lịch sử đặt ra.

1. Hưởng ứng cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh với chủ đề "Phong cách quần chúng, dân chủ và nêu gương, nêu cao trách nhiệm gương mẫu của cán bộ đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp", có thể nói, việc tiếp tục nghiên cứu làm rõ những tư tưởng biện chứng trong các tác phẩm của Hồ Chí Minh là rất cần thiết, mang ý nghĩa thời sự. Tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* đã thể hiện rõ nét phong cách quần chúng, dân chủ, nêu gương, nhất là tinh thần tự phê bình và phê bình: "Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết

điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính"(1).

2. Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, đất nước bước vào thời kỳ mới, thời kỳ củng cố độc lập dân tộc, vừa *kháng chiến* vừa *kiến quốc*. Để thực hiện được mục tiêu cách mạng, việc học tập và nghiên cứu lý luận là nhiệm vụ cần thiết đối với cán bộ, đảng viên và nhân dân. "Hiện nay, phong trào cách mạng rất cao. Nhưng thử hỏi cán bộ và đảng viên ta đã mấy người biết rõ lý luận và biết áp dụng vào chính trị, quân sự, kinh tế, và văn hóa? Đã mấy

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Nhà giáo Ưu tú, Trưởng khoa Lý luận Chính trị, Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng, Đại học Đà Nẵng.

(**) Thạc sĩ, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng.

(1) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.5. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.261.

người hiểu “biện chứng” là cái gì?”(2). Vì lẽ đó, Hồ Chí Minh đã viết tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* vào tháng 10 năm 1947 với bút danh X.Y.Z.

Tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* ra đời đáp ứng yêu cầu đổi mới phương thức hoạt động của một đảng cầm quyền, phù hợp với thời kỳ kháng chiến. Ngay từ khi lãnh đạo cuộc kháng chiến, Hồ Chí Minh đã tiên lượng những căn bệnh mà một đảng cầm quyền có thể mắc phải, đó là: Tư tưởng bè phái, địa phương hẹp hòi, quân phiệt, vô tổ chức, vô kỷ luật... Với trí tuệ mẫn tiệp của một nhà hiền triết, Hồ Chí Minh đã nhận ra những hệ lụy do những căn bệnh nêu trên làm ảnh hưởng tới uy tín của một đảng cầm quyền.

Hồ Chí Minh đã nắm vững và vận dụng sáng tạo phép biện chứng duy vật để xem xét và giải quyết các vấn đề của cách mạng Việt Nam đặt ra lúc bấy giờ. Tư tưởng biện chứng duy vật trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* thể hiện trên một số phương diện sau đây:

Thứ nhất, nguyên tắc về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn: Đưa lý luận ứng dụng vào thực tiễn, từ thực tiễn tổng kết, khái quát hóa thành lý luận - đây là đặc điểm nổi bật của tư tưởng biện chứng duy vật được Hồ Chí Minh thể hiện một cách nhuần nhuyễn trong tác phẩm.

Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Hồ Chí Minh cho rằng, lý luận không gắn với thực tiễn là lý luận suông, còn thực tiễn không được lý luận dẫn đường là thực

tiễn mù quáng. Các nhà kinh điển mácxít khẳng định, lý luận khoa học là hệ thống những tri thức khoa học được khái quát từ thực tiễn, phản ánh mối liên hệ bản chất, tất nhiên, mang tính quy luật của các sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan. Nhận thức là một quá trình, mà như V.I.Lênin miêu tả, đi từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn - đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, của sự nhận thức hiện thực khách quan. Quá trình ấy nhằm mục đích không chỉ *nhận thức thế giới* mà còn *cải tạo thế giới*. Vậy, lý luận là gì? Trả lời câu hỏi này, Hồ Chí Minh viết: “Lý luận là đem *thực tế* trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính”(3).

Theo Hồ Chí Minh, lý luận được hình thành thông qua hoạt động tổng kết kinh nghiệm của lịch sử, của các cuộc đấu tranh, được khái quát hóa, trừu tượng hóa và chứng minh bằng thực tiễn. Do đó, lý luận phải phản ánh đúng quy luật vận động của cách mạng Việt Nam, trên cơ sở đó dẫn dắt quần chúng nhân dân đứng lên đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. “Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt

(2) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.234.

(3) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.233.

mà đi”(4). “Lý luận phải đem ra thực hành. Thực hành phải nhằm theo lý luận. Lý luận cũng như cái tên (hoặc viên đạn). Thực hành cũng như cái đích để bắn. Có tên mà không bắn, hoặc bắn lung tung, cũng như không có tên”(5).

Những quan điểm trên cho thấy vai trò soi đường, dẫn dắt, chỉ đạo thực tiễn của lý luận. Nó vạch ra phương hướng, giải pháp cho hoạt động thực tiễn nhằm cải tạo cuộc sống, thực hiện mục tiêu của cách mạng Việt Nam. Nhờ có lý luận đúng đắn dẫn đường nên hoạt động thực tiễn của con người tránh được tự phát, những sai lầm và chệch hướng. Trên cơ sở đó, hoạt động thực tiễn của người cách mạng có định hướng rõ ràng, vượt qua những hạn chế của lịch sử. Người đã vận dụng tài tình trong lý luận và nghệ thuật lãnh đạo cách mạng, đặc biệt ở giai đoạn 1945 - 1946 khi đất nước rơi vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, đã tạo ra những bước ngoặt lớn cho cách mạng Việt Nam.

Ở Hồ Chí Minh, thực tiễn hóa lý luận gắn liền với lý luận hóa thực tiễn một cách tự nhiên, dễ hiểu. Người coi thực tiễn là cơ sở, động lực, là thước đo của lý luận, tính chân thực của lý luận và chỉ có lý luận khoa học mới trở thành sức mạnh hướng dẫn hành động thực tiễn. Từ đó, Hồ Chí Minh nắm bắt được bản chất của thực tiễn, xu hướng vận động của nó và đưa ra những dự báo khoa học. Chính vì vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh xa lạ với những biểu hiện giáo điều, chủ quan, tư biện, mà lại gần gũi, dễ đọc, dễ hiểu, dễ thực hành và luôn mang hơi thở của thời đại. Hồ Chí Minh

cho rằng, nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là nguyên tắc tối cao của chủ nghĩa Mác - Lênin; do đó, nó có sức mạnh không chỉ trong việc nhận thức, mà còn cải tạo thế giới. Vì vậy, Người căn dặn: Học chủ nghĩa Mác - Lênin không phải thuộc lòng từng câu mà điều cốt yếu là nắm lấy bản chất, tinh thần và phương pháp của nó để giải quyết mọi công việc. “Lý luận cốt để áp dụng vào thực tế. Chỉ học thuộc lòng, để đem lờ thiên hạ thì lý luận ấy cũng vô ích. Vì vậy, chúng ta phải gắng học, đồng thời học thì phải hành”(6).

Thứ hai, sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa nhân tố chủ quan và điều kiện khách quan trong công tác xây dựng cán bộ.

Về bản chất, hoạt động sống của con người là quá trình không ngừng chinh phục thế giới, thích ứng với hoàn cảnh bên ngoài bằng việc cải tạo hoàn cảnh theo nhu cầu của chính mình. Do đó, quan hệ giữa khách thể và chủ thể là vấn đề quan trọng, bao quát và chi phối rất nhiều vấn đề trong đời sống xã hội. Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng, mỗi sự vật hiện tượng đều tồn tại khách quan, độc lập với ý thức của con người, nó vận động và phát triển theo quy luật nội tại của nó. Muốn cải tạo thế giới tự nhiên - xã hội, con người phải nắm bắt những quy luật khách quan của chính nó.

Từ nhận thức đó, Hồ Chí Minh đã phân tích vai trò chủ quan của đội ngũ

(4) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.5, tr.233-234.

(5) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.5, tr.235.

(6) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.5, tr.235.

cán bộ trong việc thực hiện các nhiệm vụ cách mạng. Người cho rằng, trong công tác, đội ngũ cán bộ của chúng ta thường mắc bệnh chủ quan, không chú ý tới những điều kiện khách quan, giải quyết công việc một cách tùy tiện, dựa vào kinh nghiệm, vì do yếu kém về lý luận, hoặc coi khinh lý luận, lý luận suông: “Vì kém lý luận, cho nên gặp mọi việc không biết xem xét cho rõ, cân nhắc cho đúng, xử trí cho khéo. Không biết nhận rõ điều kiện hoàn cảnh khách quan, ý mình nghĩ thế nào làm thế ấy. Kết quả thường thất bại”(7).

Trong mối quan hệ biện chứng giữa điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan, thì điều kiện khách quan bao giờ cũng giữ vai trò quyết định. Mặt khác, nhân tố chủ quan có tính độc lập tương đối, điều đó thể hiện ở vai trò tích cực của chủ thể trong quá trình nhận thức và cải tạo xã hội. Trên cơ sở nhận thức nhân tố chủ quan của con người, Hồ Chí Minh đã vận dụng vào việc giải quyết các vấn đề của cách mạng Việt Nam. Người phê phán cách làm việc không khoa học của cán bộ, rằng: “Chỉ mấy cán bộ đóng cửa lại mà làm, ngồi ý trong phòng giấy mà viết, cứ tưởng những cái mình làm là đúng, mình viết là hay. Nào có biết, cách làm *chủ quan* đó, kết quả là “đem râu ông nọ, chấp cằm bà kia” không ăn thua, không thấm thía, không ích lợi gì cả”(8).

Hồ Chí Minh luôn quan tâm tới việc xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên *vừa hồng vừa chuyên*, coi cán bộ là “gốc của mọi công việc”, “huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”(9). Người

thường xuyên quan tâm giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên về các mặt trong đời sống, làm việc, quan hệ xã hội; yêu cầu cán bộ có nắm bắt được tình hình thực tế thì mới đề ra được những chủ trương, chính sách phù hợp với tình hình, đúng với yêu cầu của người dân. Khi chủ trương, đường lối được ban hành thì phải giám sát, thực hiện chế độ kiểm tra, phải rút kinh nghiệm. Đó chính là yêu cầu của cuộc sống: “Từ nay, công việc gì bất kỳ thành công hoặc thất bại, chúng ta cần phải nghiên cứu đến cội rễ, phân tích thật rõ ràng rồi kết luận. Kết luận đó sẽ là *cái chìa khóa phát triển công việc và để giúp cho cán bộ tiến tới*. Có như thế thì người mới có tài, tài mới có dụng”(10).

Hồ Chí Minh phê phán những cách làm chủ quan, không xuất phát từ khách quan: “Từ trước đến nay, chúng ta làm *trái ngược lại*. Chúng ta nghĩ ra một làng, một đội kiểu mẫu trong tư tưởng, mà không bắt đầu từ một làng, một đội sẵn có, cho nên kế hoạch không ăn khớp với những hoàn cảnh thiết thực (khách quan)”(11).

Từ những dẫn chứng trên đây, chúng ta thấy rằng, Hồ Chí Minh đã sử dụng *nguyên tắc khách quan* của chủ nghĩa duy vật biện chứng một cách triệt để khi nói về cán bộ, công tác xây dựng cán bộ ở cơ sở, làm căn cứ vững chắc, nền

(7) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5 tr.234.

(8) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.247.

(9) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.269.

(10) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.243.

(11) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.241.

tảng cho tư tưởng, lý luận của Đảng ta về công tác cán bộ và đánh giá cán bộ.

Thứ ba, quan điểm toàn diện được nhìn nhận và xem xét trên cơ sở phê phán bệnh hẹp hòi và cục bộ địa phương.

Quan điểm toàn diện của chủ nghĩa duy vật biện chứng đòi hỏi phải xem xét và nhận thức sự vật trong nhiều mối liên hệ, trong sự tương tác giữa sự vật đó với sự vật khác, sự tác động nhiều chiều. Chỉ trên cơ sở xem xét các mối quan hệ đó, thì con người mới nhận thức được bản chất của sự vật, hiện tượng và xử lý đúng đắn, hiệu quả các vấn đề đặt ra.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn đề cao quan điểm toàn diện. Người cho rằng, thực tiễn cuộc sống vô cùng phức tạp. Do hoàn cảnh lịch sử, sự hạn chế về mặt nhận thức ở một số cán bộ, đảng viên đã xuất hiện căn bệnh hẹp hòi: “Bệnh này rất nguy hiểm, mà nhiều cán bộ và đảng viên còn mắc phải”(12). Tác hại của bệnh này được Hồ Chí Minh chỉ rõ: “*Trong*, thì bệnh này ngăn trở Đảng thống nhất và đoàn kết. *Ngoài*, thì nó phá hoại sự đoàn kết toàn dân”(13). “Vì ham danh vọng và địa vị, cho nên khi phụ trách một bộ phận nào, thì lôi người này, kéo người khác, ưa ai thì kéo vào, không ưa thì tìm cách tẩy ra. Thế là chỉ biết có mình, chỉ biết có bộ phận mình mà quên cả Đảng. Đó là *một thứ bệnh hẹp hòi*, trái hẳn với nguyên tắc tập trung và thống nhất của Đảng. Cũng vì bệnh hẹp hòi đó mà *cán bộ cấp trên phái đến và cán bộ địa phương không đoàn kết chặt chẽ*”(14).

Từ cách lý giải trên đây, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ những biểu hiện của bệnh hẹp hòi trong nhận thức, tư tưởng của cán bộ, đảng viên: Chủ nghĩa địa phương, chủ nghĩa bản vị, cá nhân, tham danh vọng, địa vị, không sử dụng những người tài giỏi, người có năng lực... Mặt khác, bệnh hẹp hòi còn biểu hiện ở sự xuống cấp của đạo đức cách mạng, biểu hiện sai lầm về mặt phương pháp nhận thức, phương pháp làm việc: “Cái gì cũng dùng mệnh lệnh. Ép dân chúng làm. Đóng cửa lại mà đặt kế hoạch, viết chương trình rồi đưa ra cột vào cổ dân chúng, bắt dân chúng theo”(15). Điều đó tất yếu dẫn đến những sai lầm trong hoạt động thực tiễn; vì vậy, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Quan điểm toàn diện, về bản chất, là đối lập với quan điểm phiến diện, siêu hình trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Bệnh hẹp hòi nảy sinh do xem xét giải quyết các vấn đề một cách phiến diện, chỉ quan tâm đến lợi ích của bản thân mà không biết đến lợi ích toàn cục. Hồ Chí Minh đã phê phán sai lầm của chủ nghĩa kinh nghiệm và giáo điều. Chủ nghĩa kinh nghiệm, theo Hồ Chí Minh, là khuynh hướng tuyệt đối hóa kinh nghiệm, coi thường lý luận. Nó dẫn đến tình trạng cán bộ không thấy được tầm quan trọng của lý luận, ngại học lý luận, trong công tác chỉ biết vùi đầu vào các sự vụ. Chủ nghĩa giáo điều

(12) Hồ Chí Minh. *Sdd.*, t.5, tr.236.

(13) Hồ Chí Minh. *Sdd.*, t.5, tr.236.

(14) Hồ Chí Minh. *Sdd.*, t.5, tr.236.

(15) Hồ Chí Minh. *Sdd.*, t.5, tr.293.

thì coi lý luận là một cái gì đó cứng nhắc, họ thường tách rời lý luận với thực tiễn, đôi lúc, đôi nơi họ tuyệt đối hóa lý luận, rơi vào lý luận suông. Chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa giáo điều là lối tư duy không khoa học, siêu hình, lối tư duy của những người sản xuất nhỏ. Ở Việt Nam, cả hai lối tư duy này đã biểu hiện trong đội ngũ cán bộ và gây ra những tác hại trên nhiều lĩnh vực. Nguyên nhân của nó là do trình độ nhận thức khoa học, lý luận còn thấp kém, thói quen làm việc theo kinh nghiệm truyền thống, ảnh hưởng của cơ chế hành chính, quan liêu, công tác giáo dục lý luận còn nhiều bất cập.

Để khắc phục được những tác hại của chủ nghĩa kinh nghiệm, chủ nghĩa giáo điều, Hồ Chí Minh đã đề ra phương pháp rất gần gũi và dễ hiểu, nhất là trong lĩnh vực tổ chức và vận động quần chúng: “Liên hợp chính sách chung với chỉ đạo riêng” là phương pháp lãnh đạo khoa học, thể hiện quan điểm biện chứng trong giải quyết các vấn đề luôn đứng trên quan điểm toàn diện: Chú ý tới mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng, cái chung và cái riêng không bao giờ tách rời nhau; cái chung nằm trong cái riêng, thông qua cái riêng để thể hiện cái chung. Hồ Chí Minh khẳng định: “Bất kỳ việc gì, nếu không có chính sách chung, kêu gọi chung, không thể động viên khắp quần chúng. Song, nếu người lãnh đạo chỉ làm chung, làm khắp cả một lúc, mà không trực tiếp nhằm một nơi nào đó, thực hành cho kỳ được, rồi lấy kinh nghiệm nơi đó mà chỉ đạo những nơi

khác, thì không thể biết chính sách của mình đúng hay sai. Cũng không thể làm cho nội dung của chính sách đó đầy đủ, thiết thực”(16). Để khắc phục được điều này, Hồ Chí Minh yêu cầu người lãnh đạo: “Gom góp ý kiến và kinh nghiệm trong sự chỉ đạo từng bộ phận, đem làm ý kiến chung. Rồi lại đem ý kiến chung đó để thí nghiệm trong các bộ phận. Rồi lại đem kinh nghiệm chung và mới, đúc thành chỉ thị mới. Cứ như thế mãi. Biết làm như vậy mới thật là biết lãnh đạo”(17).

Như vậy, Hồ Chí Minh luôn nhất quán trong nhận thức và hành động, khẳng định người lãnh đạo phải có quan điểm toàn diện. Khi giải quyết mối quan hệ giữa *cái riêng* và *cái chung*, Hồ Chí Minh yêu cầu người cán bộ phải đặt lợi ích của Tổ quốc, nhân dân lên trên hết, trước hết. Có như vậy mới tạo động lực thúc đẩy cán bộ, đảng viên, nhân dân lao động thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ tư, sử dụng quan điểm lịch sử cụ thể để xem xét, đánh giá cán bộ.

Phép biện chứng duy vật chỉ rõ rằng các sự vật, hiện tượng luôn vận động, phát triển và biến đổi không ngừng. Muốn nắm bắt được sự vận động và phát triển ấy, phải xem xét sự vật, hiện tượng dựa trên cơ sở quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử cụ thể. Khi nghiên cứu sự vật, hiện tượng, chúng ta phải nghiên cứu nhiều mặt, nhiều khía cạnh, nhiều mối quan hệ

(16) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.288.

(17) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.291.

khác nhau và phải đặt trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể, trong không gian và thời gian nhất định.

Với quan điểm đó, khi đề cập đến việc nhận xét, đánh giá cán bộ, Người viết: “Trong thế giới, cái gì cũng biến hóa. Tư tưởng của người cũng biến hóa. Vì vậy cách xem xét cán bộ, quyết không nên chấp nhất, vì nó cũng phải biến hóa. Thí dụ: có người khi trước theo cách mạng mà nay lại phản cách mạng. Có người khi trước không cách mạng mà nay lại tham gia cách mạng. Thậm chí có người nay đang theo cách mạng, nhưng sau này có thể phản cách mạng.

Một người cán bộ khi trước có sai lầm, không phải vì thế mà sai lầm mãi. Cũng có cán bộ đến nay chưa sai lầm, nhưng chắc gì sau này không phạm sai lầm? Quá khứ, hiện tại và tương lai của mọi người không phải luôn giống nhau”(18).

Trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mới bắt đầu, tình hình cách mạng vô cùng khó khăn, hoàn cảnh đất nước như “ngàn cân treo sợi tóc”, việc đánh giá đúng cán bộ, để từ đó có chính sách sử dụng cán bộ phục vụ công cuộc kháng chiến, kiến quốc là một yêu cầu cần thiết đặt ra cho Đảng và Nhà nước ta lúc bấy giờ. Muốn đánh giá đúng cán bộ thì cần phải xem xét người cán bộ trên cơ sở quan điểm lịch sử cụ thể, từ đó chỉ ra những mặt tích cực và hạn chế, giúp họ tự sửa mình cho phù hợp với yêu cầu công việc đặt ra. Hồ Chí Minh khẳng định: “Xem xét cán bộ, không chỉ xem ngoài mặt mà còn phải xem tính chất của họ.

Không chỉ xem một việc, một lúc mà phải xem toàn cả lịch sử, toàn cả công việc của họ. Có người lúc phong trào cách mạng cao, họ vào Đảng, họ làm việc rất hăng. Nhưng lúc phong trào hơi khó khăn thì đâm ra hoang mang. Lúc gặp sự nguy hiểm thậm chí hóa phản cách mạng, làm mật thám. Muốn làm mật thám được việc, thì nó lại công tác hăng hơn ai hết. Nếu ta không xem xét rõ ràng, thì lầm nó là cán bộ tốt. Vì vậy, nhận xét cán bộ không nên chỉ xét ngoài mặt, chỉ xét một lúc, một việc, mà phải xét kỹ cả toàn bộ công việc của cán bộ”(19).

Hồ Chí Minh đã đề ra phương pháp khoa học trong cách nhìn nhận người cán bộ, đồng thời cũng là phương pháp nhận xét chung cho các công tác khác. Người yêu cầu: “Lãnh đạo phải *cụ thể*, phải *kip thời*, phải *thiết thực*, phải *có trọng điểm và nắm điển hình*. Phải chống tư tưởng ngại khó khăn, tư tưởng *ỷ lại*”(20).

3. Sửa đổi lối làm việc là tác phẩm ra đời trong một hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, khi cả nước đang thực hiện công cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược. Để xây dựng được đường lối cách mạng đúng đắn dựa trên những phương pháp khoa học, Hồ Chí Minh đã vận dụng triệt để phép biện chứng duy vật mácxít, khẳng định: “Chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin để dùng lập

(18) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.278.

(19) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.278.

(20) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.8, tr.92.

trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta”(21).

Trong công cuộc đổi mới, những thành tựu về phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị, xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, đồng thuận, đời sống tư tưởng lý luận có những bước chuyển biến tích cực... thể hiện Đảng ta đã biết vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Nhận thức đúng đắn và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay trở thành yêu cầu cơ bản, lâu dài, có tầm quan trọng chiến lược đối với việc xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, củng cố khối đoàn kết vững chắc, tạo sự gắn bó máu thịt giữa dân với Đảng.

Với yêu cầu khách quan của công cuộc đổi mới, Đảng ta đã nhìn thẳng sự thật, nói đúng sự thật, chỉ rõ: “Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện

khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc”(22). Đây là những khuyết điểm của một đảng cầm quyền đã được Hồ Chí Minh tiên lượng trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, trở thành hồi chuông báo động cho Đảng, để Đảng ta sửa chữa, khắc phục, xứng đáng là Đảng của nhân dân, Đảng của dân tộc.

4. Phát huy những giá trị tư tưởng biện chứng trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* của Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay, Đảng ta cần phải nhìn nhận đúng những diễn biến tư tưởng chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên: “Chúng ta không sợ có sai lầm và khuyết điểm, chỉ sợ không chịu cố gắng sửa chữa sai lầm và khuyết điểm”(23). Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công cuộc đổi mới, đặc biệt là trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, Đại hội XI của Đảng khẳng định: “Đảng và Nhà nước tiếp tục đề ra nhiều chủ trương, chính sách nhằm phát huy hơn nữa quyền làm chủ, bảo đảm lợi ích của nhân dân, vai trò giám sát của nhân dân đối với hoạt động của các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức”(24). □

(21) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.8, tr.494.

(22) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012, tr.22.

(23) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.5. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.283.

(24) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.158.